

Thanh Chương, ngày 27 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 92/2024 TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị; **Tôn Thị C**, sinh năm 1987. Địa chỉ: **Xóm L, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.**

2. Bị đơn: Anh; **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1985. Địa chỉ: **Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19/6/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Tôn Thị C** và anh **Phạm Văn Đ**.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Tôn Thị C** và anh **Phạm Văn Đ**.

2.2. Về trách nhiệm nuôi con: Hai đương sự thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên là **Phạm Tôn Quang Đ1**, sinh ngày 18/12/2019.

2.2.1. Ly hôn giao cho anh **Phạm Văn Đ** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Phạm Tôn Quang Đ1**. Chị **Tôn Thị C** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh **Phạm Văn Đ**,

mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu, năm trăm nghìn đồng*), kể từ tháng 6/2024 cho đến khi cháu **Phạm Tôn Quang Đ1**, thành niên đủ 18 tuổi.

2.2.2. Chị **Tôn Thị C**, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2.3. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2.2.4. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2.3. Về chia tài sản chung và nợ: Các bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị **Tôn Thị C**, phải chịu: 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí xin ly hôn và 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị **Tôn Thị C** được trừ đi số tiền: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011820, ngày 05/6/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS huyện Thanh Chương
- Chi cục THA DS. H/Thanh Chương
- Các đương sự
- UBND xã Thanh Giang
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn